

寒儒風味賦

HỌC TRÒ KHÓ PHÚ

UN LETTRÉ PAUVRE

P. J. B. TRUÔNG-VINH-KY

CHÉP RA CHÉU QUỐC-NGŨ

VÀ DẪN-GIẢI

士載
張
永
記
註解

SAIGON

BẢN IN NHÀ-HÀNG C. GUILLAND ET MARTINON

—
1883

HỌC TRÒ KHỔ PHÚ

TRÀO LÊ, TỈNH HÀ-NỘI, HỌC TRÒ GIÁM,
TÊN LÀ NGUYỄN-THẾ-LAN LÀM

- Thằng cha cái khó !
Thằng cha cái khó !
Khôn-khéo với ai,
Vụng-vé với nó. (1)
- Lúc cực vãn-chương chẳng động
Tiếng quốc-ngữ nào không ;
Khi nghèo kinh-huân khôn thông
Lời ngạn-ngôn hẳn có. (2)
- Cơn đác-thẻ tiến nhiều lúa sân,
Dầu xa-xuối rừng-núi cũng quen ;
Khi thất-thì ruộng hết nhà không,
Tuy cắt-ruột bà-con hiêng ngó. (3)
- Kìa ai ba bức lều tranh,
Nổi đó vài gian nhà cỏ. (4)
- Cán sơ-sài khi đậu khi kê,
Ăn hằm-hút nửa buồng nửa xó. (5)
- Cái cúi lợn nằm xếp máng,
Buồn chẳng muốn kêu ; (6)
- Dầu giàn chuột đánh xáng niêu,
Sầu thôi lại bỏ. (7)

(1) Thằng cha tám mươi kiếp cái sự nghèo sự khó ! khôn với ai thì còn khôn được, chớ với cái khó thì làm-sao cũng vụng mà-thời.

(2) Lời tục hay nói : sách *già vay lúa*, ai sách *già vay chữ*, cho nên đến chữ-nghĩa vãn-chương mặc-lòng mà nghèo-khó, thì cũng chẳng làm gì ; khi nghèo thì sách-vờ cũng lu, lời ngạn-ngôn nói thật có.

Kinh-huân c. là sách-vờ.

(3) Giàu-có trong hang cũng kiếm, khó-khẩn giữa chợ không mang : Phú quý đa nhơn hội bán-cùng thân-thích lý.

(4) Kể sự-thờ người nghèo : xưa kia cũng có kẻ nghèo ở lều tranh che leo-heo ba tầm ; nên nói nay mình cũng nhà lá vài căn lều-láo.

(5) Ăn sơ-sài khi thì đậu luộc, khi thì cháo hột kê ; hằm-hút nửa-lên nửa buồng nửa xó mà ăn.

(6) Heo nuôi trong cúi trong chuồng liềm máng đã sạch, nằm xếp xe đó không muốn kêu nữa.

(7) Trên giàn nói trạch chuột đói kiếm ăn cạy bẻ nồi bẻ niêu đi ; sầu thôi cũng bỏ, không coi tới làm chi nữa.

- { Bóng trắng giội trổng gà bèn bộp,
Thồng nhỏ xí-xỏ ; (1)
{ Giọt mưa xối hang chuột trong nhà
Con mèo ngáp-ngộ. (2)
{ Nhà xích-xác phong-trấn đèn đôi,
Thần quỉ khôn soi;
{ Phật bợ-vợ xiêu-lạc lúc nì,
Đất trời chẳng tỏ. (3)
{ Ngày hai bữa vỗ bụng rau kén phịch-phịch,
Người quân-tử ăn chẳng cứu no ;
{ Đêm năm canh giấc ngủ ngáy pho-pho,
Đời thái-bình của hân hò ngộ. (4)
{ Om trà góp lá bàng lá ổi,
Đờ mùi thơm chát-chát hơi-hơi;
{ Miếng trầu ăn vỏ huỳnh vỏ chay
Buồn miệng lại nhai-nhai nhỏ-nhỏ. (5)
{ Đờ mớ-hời vông-lác quạt-mơ,
Chông hơi-dắt sập-tre guộc-gỗ. (6)
{ Rượu thù uông chén cây trám cò,
Chẳng thiếu chi đời ?
{ Trà thời rót ve nọ tháp khu,
Nào cho chi nhỏ ? (7)

(1) Nhà trổng trước trổng sau, bóng trắng giội ra hình tròn-tròn như trổng gà bèn vách bèn bộp, con-nút xi-xỏ chạy chli-trỏ chơi.

(2) Nhà giọt nước xối hang chuột trong nhà, mèo đói rình-hoài không thấy chuột ; rình ước chừng không chắc có chuột mà bắt mà ăn.

(3) Phật nghèo bợ-vợ xiêu-lạc, nhà-cửa xích-xác khốn cực quá chừng, trời đất không soi, quỉ thần không tỏ cho !

(4) Một ngày ăn vài bữa cháo rau lều lẻo ; người quân-tử thì vậy ; ăn không có cứu no ; Ban đêm năm ngủ êm tới sáng, không lo đóng cửa, cũng như đời thái-bình, không ai có đóng cửa.

(5) Không có trà mà uống phải hái lá bàng lá ổi mà uống đờ cho có hơi chát-chát hơi-hơi.

Không có cau mà ăn trầu thì ăn vỏ huỳnh vỏ chay cho có kẻ buồn miệng, nhai-nhai nhỏ-nhỏ.

(6) Khi nóng-nực đờ mớ-hời thì dùng quạt mơ, vông lác, cho khỏi hơi dắt hơi cất, thì ngồi sập bện vạc tre, đi guộc gỗ.

(7) Khi uống rượu thì dùng chén bằng cây trám nơi cò ; chén cây thiếu chi ? Pha trà mà uông thì ve bẻ trái đồi.

{ Sách học nợ ba đời để lại,
{ Hàng văn hàng chữ tôi khôn soi;
{ Bàn cờ kia tám kiệp nhà ai,
{ Chữ-nhứt chữ-diển xem chẳng tở. (1)

{ Tìm người vay-bợ,
{ Rằng : thừa thấy, thừa thim.
{ Cà-rà mài dài ngồi lâu,
{ Xin cậu giúp cùng,
{ Chuyện thừng cột thàng kéo,
{ Xuôi ngược xuôi rầu nói khó. (2)

{ Vế kiêm-chác dùng phương trợ-khò,
{ Chẳng có đặng người;
{ Đi tìm người kiêm chôn đờ-che,
{ Ướm không ra thỏ. (3)

{ Dền lúc cùng, khó nổi ra vô,
{ Con khi ngặt, cực bé này trò. (4)

{ Nghèo cũng muốn dụng đường cơ vế,
{ Sợ nổi nhà ngổ mặt chị em;
{ Khó cũng phòng toan chước cùng đi,
{ Sợ phép nước chưa nên gan sừng-sợ. (5)

(1) Sách học đã cũ hơn ba đời hàng chánh văn hàng chủ-giải nó đã lu-lu lù-lù coi đã không ra;

Bàn cờ tướng đã cũ-xem, không biết đã mấy kiệp, nước chữ nhứt, nước chữ diễn, đã lu đi hết, coi đã không thấy nét.

(2) Tổng quá phải đi tạm đi hỏi vay-bợ mà ăn; vào lòn ra cúi đến cửa nhà giàu những thừa dạ khếp-nếp *thấy, thim*; cà-rà ngồi lết dài đó năn-nĩ xin cậu mợ giúp. Chủ kể chuyện thừng cột thàng kéo dài-he xuôi ngược, cứ ngồi xuôi-rầu nói khó lòng không muốn cho.

(3) Vay không được về nhà lo phương đờ ngặt kiêm người không có người; lâu túng đi đánh me đánh bạc, hột me mà chày họa-may; ướm chỗ này chỗ kia, kiêm không ra ai chịu làm thỏ cho.

(4) Cùng-túng quá đi rồi không còn phương nào thẽ nào mà tính nữa.

(5) Hết sức làm gì không ra, muốn gian-giảo ăn cắp ăn kiền, mà sợ hổ mặt với anh em chị em; lâu túng toan đi ăn-trộm ăn-cướp mà ăn, thì lại sợ phép-Nước, rủ chúng bắt được thì mang khôn.

- { Toán dã-học toan nhờ lợc thánh,
Thời người trí túc vị cung; (1)
Huyết chơn-long mong bán đất trời,
Thời người ràng tu thân bất độ. (2)
Dưới thành-hạ mang cần-câu trúc,
Kià-kià chàng quốc-sĩ Hoài-âm; (3)
Trong lý-trung xách thớt chia phần,
Nợ-nợ đứng mưu-thần Diên-võ, (4)
Khó ai hơn Mãi-thần Mông-chính?
Cũng có khi ngựa cỡi tâng che?
Giàu ai qua Vương-khải Thạch-sùng,
Cũng có thuở tường-xiêu vách-đồ. (5)
Dầu ai mà:
Ruộng kim trâu cò,
Sớm nở tối tàn; (6)
Diệt chung vu thủ-tiến-lỗ. (7)

CHUNG.

(1) Cơ tác... cùng di... ra làm thấy bói thấy khoa mà kiếm ăn, thì chúng lại chê rằng: giỏi sao không vị mình mà phải đi bói mà ăn?

Toán dã-học c. là thấy bói theo sách *dã-học*.

Trí túc vị cung c. là khôn đủ giúp mình

(2) Ra đi làm thấy địa-lý, coi huyết coi mã cho người-ta mà kiếm tiền, thì chúng lại nói rằng: thấy giỏi sao chẳng độ mình.

Bán đất trời là ra đồng chỉ con đất của trời rằng tốt rằng xấu mà ăn tiền thì là như bán đất của trời. *Tu thân bất độ* c. = giỏi sao chẳng độ mình?

Huyết chơn long = là thấy coi địa-lý *tầm long điểm huyết* = là tìm hãm róng chỉ huyết mã. *Chơn long* là hân thệ có róng.

(3) Sức ông quốc-sĩ là Hàn-tấn ở đất Hoài-âm kia cũng đã từng cơ-nghèo vác cần đi câu dưới bờ thành.

Coi giải nơi phú Hàn-tấn.

(4) Tôi mưu-thần như Trần-bình ở đất diên-võ, khi nghèo ở trong làng còn phải xách thớt mà chia thịt.

(5) Ấy nghèo-khó hơn hết là Châu Mãi-thần với Mông-chính mà cũng còn có thuở làm nên giàu-sang, được cỡi ngựa tâng che. Vương-khải với Thạch-sùng giàu-sang ai bằng mà cũng có khi hư-tàn, nghèo-khó, khốn-khở, vách đồ tường xiêu; hư-nát đi hết nữa là.

(6) Ruộng kim trâu cò là ruộng nay trâu xưa; dầu ai giàu muốn hộ ruộng trâu nhiều mặc lòng, thì cũng như hoa, sớm nở tối tàn chẳng bao lâu dầu.

(7) Diệt chung vu thủ-tiến-lỗ. c. = cũng rốt về đũa mọi giữ của = đi lại cũng là thặng mọi giữ của đời cho chúng vậy mà-thôi.